

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2018

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh.**

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **LTTT**, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 44, ấp LB, xã LTN, huyện HT, tỉnh TN.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số 01, hẻm 15, đường PH, ấp LB, xã LTN, huyện HT, tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* Anh **VMT**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01, hẻm 15, đường PH, ấp LB, xã Long hành Nam, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LTTT trình bày:

Chị và anh VMT bắt đầu chung sống từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới, anh chị tự nguyện chung sống với nhau. Sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên anh chị

thường xuyên cãi vã và anh chị đã ly thân nhau 3 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung VTK, sinh ngày 23/9/1997 hiện nay đang sống cùng chị. Do con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai nhận không có.

Không ai nợ chị và anh T.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2018, bị đơn anh VMT trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh và chị T đã ly thân nhau 3 năm nay, do là công nhân nên anh đi đi về về chứ không ngủ lại nhà. Anh còn yêu thương chị T nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị T trình bày. Do con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Anh khai nhận không có.

Không ai nợ anh và chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị LTTT có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh VMT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T và anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Do chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh T là vợ chồng. Con chung VTK, sinh ngày 23/9/1997 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Chị T trình bày không có tài sản chung, anh T trình bày là có nhưng anh không yêu cầu giải quyết mà để anh và chị T tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Chị T và anh T trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T và anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị LTTT và anh VMT thấy rằng: Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T và anh T trình bày là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và anh chị đã ly thân nhau 3 năm nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh T nhưng anh T không đồng ý. Xét việc chị T và anh T chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nên tuyên bố không công nhận chị T và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung VTK, sinh ngày 23/9/1997. Do con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai nhận không có, anh T khai nhận là có nhưng anh không yêu cầu giải quyết mà để anh và chị T tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị T, anh T khai nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị LTTT và anh VMT là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị LTTT và anh VMT có 01 con chung VTK, sinh ngày 23/9/1997 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị LTTT khai nhận không có, anh VMT khai nhận là có nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh và chị T tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị LTTT và anh VMT khai nhận không có nên không đặt ra giải quyết.
5. Về án phí:

Chị LTTT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012133 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Chị LTTT và anh VMT vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

LÂM TẤN NHÀN